

Bản án số: 52/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 23 - 11 - 2017

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hoàng Dân
2. Ông Huỳnh Văn Thăm

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2017/TLST –HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976.
2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh B, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (các đương sự có mặt tại phiên tòa).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Thanh B (sau đây gọi tắt là bà Đ và ông B) cưới nhau vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B thường xuyên rượu chè và có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Đ. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đ

yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Bảo T, sinh năm 1997 và Lê Vũ L, sinh năm 2001 (hiện đang sống với ông B). Vợ chồng ly hôn con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà Đ và ông B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn ông Lê Thanh B trình bày:***

Về hôn nhân: Ông B thống nhất theo lời trình bày của bà Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung như bà Đ trình bày. Ông B thống nhất con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Đệp thống nhất theo yêu cầu của bà Đ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông B chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên về mặt pháp lý bà Đ và ông B không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Thanh B theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nuôi con chung: Bà Đ và ông B có 02 người con chung tên Lê Bảo T, sinh năm 1997 và Lê Vũ L, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2001. Hiện người con lớn (Lê Bảo T) đã có gia đình riêng nên bà Đ và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với em Lê Vũ L chưa đủ 18 tuổi, nên bà Đ và ông B thống nhất con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa và bản tự khai ngày 14 tháng 11 năm 2017, con chung của bà Đ và ông B là Lê Vũ L có nguyện vọng được sống với ông B. Do đó, HĐXX thống nhất giao con chung tên Lê Vũ L cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về chia tài sản và nợ chung: Bà Đ và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Đ phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

***Vì các lẽ trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Thanh B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Vũ L, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2001 cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng, bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Nhưng cũng không được lạm dụng việc trông nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông B.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Bà Đ và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006693, ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

### **Nơi nhân**

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khanh**